

Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn

PHỤ LỤC I

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT BCH HUYỆN ỦY, HĐND HUYỆN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI NĂM 2023

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Dự báo thực hiện cả năm 2023	So với Kế hoạch năm	So với cùng kỳ năm trước	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>								
<b>1</b>	<b>Giá trị sản xuất (giá SS 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>9.663,7</b>		<b>12.630</b>		<b>130,7</b>	<b>Đạt</b>	
	Nông, Lâm, Ngư nghiệp	Tỷ đồng	2.157		2.290		106,2		
	Công nghiệp- Xây dựng	Tỷ đồng	5.031		6.650		132,2		
	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	2.475,6		3.690		149,1		
	<b>Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá SS 2010)</b>	<b>%</b>	<b>132,0</b>	<b>&gt; 30%</b>	<b>130,7</b>	<b>100,0</b>	<b>130,7</b>		
	Nông, Lâm, Ngư nghiệp	%	90,1	104,0	106,2	102,1	106,2		
	Công nghiệp, Xây dựng	%	166,5	132,0	132,2	100,1	132,2		
	Thương mại - Dịch vụ	%	129,9	156,0	149,1	95,5	149,1		
<b>2</b>	<b>Cơ cấu kinh tế (giá SS 2010)</b>	<b>%</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>Đạt</b>	
	Nông, Lâm, Ngư nghiệp	%	22,3	17,3	18,1	104,8	81,2		
	Công nghiệp, Xây dựng	%	52,1	52,3	52,7	100,7	101,1		
	Thương mại - Dịch vụ	%	25,6	30,4	29,2	96,1	114,0		
3	Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	4,3	5 triệu USD trở lên	5,00	100,0	116,3	Đạt	

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Dự báo thực hiện cả năm 2023	So với Kế hoạch năm	So với cùng kỳ năm trước	Kết quả	Ghi chú
4	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.191,6	Tăng >15% dự toán tỉnh giao	Tăng <15% dự toán tỉnh giao			Không đạt	
5	Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng	16.735,7		19.271	100,0	115,1	Đạt	
	Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng	Tăng 35,9%	Tăng >15%	Tăng 15,2%	Tăng 15,1%	0,6	Đạt	
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu xã hội</b>								
6	Lao động được giải quyết việc làm mới hàng năm	Lao động	2.200	2000 trở lên	2.300	115	105	Đạt	
	Trong đó: Việc làm tăng thêm	Lao động	882		1.000		113		
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	85,08	>85	86	100	101	Đạt	
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	58,95	60	60	100	102	Đạt	
8	Duy trì trên địa bàn không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025	%		Không còn hộ nghèo	Không còn hộ nghèo	100		Đạt	
	Hộ nghèo theo tiêu chí của tỉnh Quảng Ninh	Hộ			3		3		
9	Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm y tế	%	>96	>96	>96	100		Đạt	
10	Các chỉ tiêu về y tế								
	Số giường bệnh/ 1 vạn dân (Không tính giường bệnh trạm y tế xã)	Giường bệnh/ 1 vạn dân	55,3	55,3	55,3	100	100	Đạt	



